

Bản án số: 179/2023/HSST
Ngày 29-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTN, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh. V. D;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương. H. V

2. Ông Hoàng. V. T

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô. D. K – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HTN, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN, tỉnh BT tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn. V. B – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HTN, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 154/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Quốc D, sinh năm: 1994, tại BT; Nơi cư trú: khu phố 7, phường ĐL, thành phố PT, tỉnh BT; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H (chết) và bà Đường Thị T. N; vợ con: chưa có.

- Tiền án:

+ Ngày 19/01/2017, Phạm Quốc D bị Tòa án nhân dân huyện HTN, tỉnh BT xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 03/2017/HSST.

+ Ngày 09/7/2019, Phạm Quốc D bị Tòa án nhân dân thành phố PT, tỉnh BT xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 77/2019/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/5/2020.

+ Ngày 01/12/2021, Phạm Quốc D bị Tòa án nhân dân thành phố PT, tỉnh BT xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 177/2021/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/04/2023, đến nay chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 12/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện HTN cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Nguyễn Duy T, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P L, xã H P, huyện H T B, tỉnh BT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Trịnh T. H, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 3, phường Th H, thành phố PT, tỉnh BT.

Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 1, phường Ph T, thành phố PT, tỉnh BT.

Người làm chứng:

- Ông Trần An V, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố L H, thị trấn T N, huyện HTN, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động nên khoảng 08 giờ ngày 05/10/2023, Phạm Quốc D đi xe khách từ thành phố PT đến huyện HTN, với mục đích tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu Công nghiệp Hàm Kiệm I (thuộc thôn Dân Phú, xã Hàm Kiệm, huyện HTN, tỉnh BT) Phạm Quốc D xuống xe đi bộ vào bên trong cổng khu Công nghiệp khoảng 2km thì phát hiện phía bên trái khu Công nghiệp có một công trình đang xây dựng và bên trong để nhiều xe máy nhưng không có người trông coi. Lúc này, Phạm Quốc D đi vào bên trong khu vực để xe thì phát hiện có một xe mô tô biển kiểm soát 86B3 – 749.23, hiệu Suruki SaTria màu xanh - đen của ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1999 (trú thôn P, xã HP, huyện HTB, tỉnh BT), đang dựng phía ngoài cùng khu vực để xe (trên xe không gắn chìa khóa), Phạm Quốc D dùng cây sắt hình chữ L (hay còn gọi là L8) để mở khoá xe mô tô 86B3 – 749.23. Sau đó, Phạm Quốc D điều khiển xe mô tô 86B3 – 749.23 chạy về hướng thành phố PT, rồi mang đến bãi giữ xe của Bệnh viện Đa khoa tỉnh BT gửi. Đến ngày 07/10/2023, Phạm Quốc D quay lại bãi giữ xe của Bệnh viện Đa khoa tỉnh BT lấy xe mô tô 86B3 – 749.23 rồi mở cốp xe ra kiểm tra thì phát hiện bên trong cốp xe có (01 giấy Đăng ký xe mô tô 86B3 – 749.23 và 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Duy T. Sau khi, lấy xe mô tô 86B3 – 749.23 ra Phạm Quốc D tìm người để bán nhưng không bán được. Sau đó, Phạm Quốc D mang xe mô tô 86B3 – 749.23 cùng các giấy tờ liên quan đến tiệm Cà phê 5S do ông Hoàng Văn C, sinh năm 1985 (trú khu phố 1, phường P T, thành Phố PT, tỉnh BT) làm chủ cầm thế cho bà Trần Trịnh T. H, sinh năm 2002 (trú phường T H, thành phố PT, tỉnh BT) là nhân viên của tiệm Cà phê 5S với số tiền là 11.000.0000 đồng rồi sử dụng tiêu xài cá nhân, nhưng đến ngày 09/10/2023 Phạm Quốc D đến tiệm Cà phê 5S chuộc lại xe mô tô 86B3 – 749.23 để mang đi bán lấy

thêm tiền nhưng không bán được. Sau đó, trong ngày 10/10/2023 Phạm Quốc D lại tiếp tục mang xe mô tô 86B3 – 749.23 cùng các giấy tờ liên quan đến tiệm Cầm đồ 5S cầm thế lấy số tiền là 11.000.0000 đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Do thấy hành vi trộm cắp tài sản của mình là sai trái vi phạm pháp luật nên khoảng 14 giờ 10 phút ngày 12/10/2023 D đã đến Công an huyện HTN, tỉnh BT đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ gồm:

- + 01 xe mô tô Biển kiểm soát 86B3 – 749.23, hiệu Suruki SaTria màu xanh – đen, số máy CGA1ID206029, số khung 11AZKJ206018;
- + 01 Căn cước công dân số 060099012900 mang tên Nguyễn Duy T;
- + 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 86B3 – 749.23;
- + 01 hợp đồng Cầm đồ số 24250 của tiệm Cầm đồ 5S (tài sản cầm thế là xe mô tô Biển kiểm soát 86B3 – 749.23, hiệu Suruki SaTria).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/2023-HĐĐG ngày 16/10/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện HTN kết luận: 01 xe mô tô Biển kiểm soát 86B3 – 749.23, hiệu Suruki SaTria màu xanh – đen có giá trị là 39.750.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô Biển kiểm soát 86B3 – 749.23, hiệu Suruki SaTria màu xanh – đen, số máy CGA1ID206029, số khung 11AZKJ206018; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 86B3 – 749.23; 01 Căn cước công dân số 060099012900 mang tên Nguyễn Duy T; là tài sản của ông Nguyễn Duy T, quá trình điều tra xét thấy đã làm rõ nên ngày 26/10/2023 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là anh Trọng. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Bị hại anh Nguyễn Duy T đã nhận lại tài sản, nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 156/CT-VKSHTN-HS ngày 09/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN, tỉnh BT truy tố bị cáo Phạm Quốc D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Quốc D, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Quốc D từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 11.000.000 đồng từ việc cầm chiếc điện thoại.

- Về trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện HTN, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt: bị hại ông Nguyễn Duy T có đơn xin xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, lời khai của những người này đã thể hiện đầy đủ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của bị cáo những người tham gia tố tụng khác và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nên việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Quốc D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với bản cáo trạng, lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vật chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện HTN.

[4] Như vậy đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Quốc D mặc dù biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, để có tiền tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng 08 giờ ngày 05/10/2023 tại thôn Dân Phú, xã Hàm Kiệm, huyện HTN, bị cáo Phạm Quốc D đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Duy T là xe mô tô biển kiểm soát 86B3– 749.23, hiệu Suruki SaTria màu xanh – đen. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 39.750.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Quốc D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại Bản án số 177/2021/HSST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố PT, tỉnh BT đã xử phạt bị cáo Phạm Quốc D mức án 15 tháng tù giam và áp dụng tình tiết tăng nặng là “Tái phạm”, chấp hành xong ngày 14/04/2023, đến nay chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” đây là những tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: không có.

[6] Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo nhiều lần bị Tòa án tuyên phạt về tội “Trộm cắp tài sản” trong đó có bản án chưa được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà nay lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải có hình phạt cho bị cáo một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người tốt, góp phần lập lại tình hình trị an tại địa phương.

[7] Đối với ông Hoàng Văn C (chủ tiệm Cầm đồ 5S) và chị Trần Trinh T. H (nhân viên tiệm Cầm đồ 5S), quá trình điều tra xác định ông Cường và bà Hương không biết chiếc xe mô tô BKS 86B3 – 749.23 là do bị cáo Phạm Quốc D trộm cắp mà có của ông Nguyễn Duy T cầm cố cho mình. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý ông C và bà H về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô Biển kiểm soát 86B3 – 749.23, hiệu Suruki SaTria màu xanh – đen, số máy CGA1ID206029, số khung 11AZKJ206018; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 86B3 – 749.23 và 01 Căn cước công dân số 060099012900 mang tên Nguyễn Duy T là tài sản của ông Nguyễn Duy T, quá trình điều tra xét thấy đã làm rõ nên ngày 26/10/2023 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là ông Trọng. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

Riêng đối với số tiền 11.000.000 đồng mà bị cáo Phạm Quốc D đã cầm cố cho ông C, nay ông C không yêu cầu bị cáo Phạm Quốc D trả lại số tiền này. Đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có. Do đó, buộc bị cáo Phạm Quốc D phải giao nộp số tiền 11.000.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Duy T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Quốc D, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Quốc D 3 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 11.000.000 đồng mà bị cáo Phạm Quốc D đã cầm cố cho ông Hoàng Văn C, nay ông Hoàng Văn C không yêu cầu bị cáo Phạm Quốc D trả lại số tiền này. Đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có. Do đó, buộc bị cáo Phạm Quốc D phải nộp số tiền 11.000.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Quốc D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/12/2023); Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện HTN;
- Chi cục THADS huyện HTN;
- Công an huyện HTN;
- Sở tư pháp tỉnh BT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh. V. D